

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: **1558/2020/QĐST-HNGĐ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Biên Hòa, ngày 11 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự.
Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2492/2020/TLST-VHNGĐ ngày 27/11/2020 về việc: "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Anh **Nguyễn Tiến D**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: A/B, khu phố A, phường TM, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

+ Chị **Nguyễn Thị Thùy V**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: A/B, khu phố A, phường TM, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh chị kết hôn với nhau năm 2015, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được UBND phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 166 ngày 20/11/2015. Sau khi kết hôn trong cuộc sống thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do không hiểu nhau, bất đồng quan điểm sống, suy nghĩ của hai vợ chồng trái ngược nhau. Hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thay đổi được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh, chị cùng làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân TP Biên Hòa công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Khánh C, sinh ngày 03/11/2015 và cháu Nguyễn Tiến T, sinh ngày 17/11/2017. Giao con Tiến T cho chị Nguyễn Thị Thùy V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con Khánh C cho anh Nguyễn Tiến D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Tiến D cấp dưỡng nuôi cháu T là 30.000.000 đồng/tháng. Tạm thời chị V không phải cấp dưỡng nuôi cháu C.

[3]. Về tài sản chung: Các đương sự khai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Tiến D và chị Nguyễn Thị Thùy V phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) anh, chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0007454 ngày 19/11/2020.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tiến D và chị Nguyễn Thị Thùy V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Khánh C, sinh ngày 03/11/2015 và cháu Nguyễn Tiến T, sinh ngày 17/11/2017. Giao con Nguyễn Tiến T cho chị Nguyễn Thị Thùy V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con Nguyễn Ngọc Khánh C cho anh Nguyễn Tiến D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Tiến D cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Tiến T mỗi tháng là 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*). Tạm thời chị Vân không phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ngọc Khánh C.

Anh Nguyễn Tiến D và chị Nguyễn Thị Thùy V được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Các đương sự khai tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Tiến D và chị Nguyễn Thị Thùy V phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) anh, chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0007454 ngày 19/11/2020.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- UBND phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai (GCNKH 166 ngày 20/11/2015);
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Lê Hồng Ngọc